

# VẬN DỤNG MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID A. KOLB TRONG RÈN LUYỆN, PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Hà Thu Thủy<sup>†</sup>,  
Nguyễn Trà My,  
Văn Mỹ Lệ,  
Nguyễn Thị Kim Sinh,  
Vương Thu Huyền

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội  
+ Tác giả liên hệ • Email: htthuy@daihocthudo.edu.vn

## Article history

Received: 15/9/2023

Accepted: 25/10/2023

Published: 20/12/2023

## Keywords

Experiential learning,  
teaching ability, Vietnamese,  
Pre-service teacher, primary  
education

## ABSTRACT

In recent years, the experience-based learning model developed from D. Kolb's experiential learning theory has become an active teaching and learning direction, applied in both experiential and educational activities. In primary school, Vietnamese is one of the key subjects, so developing students' ability to use Vietnamese is a task requiring special attention. In this article, we provide an overview of the fundamental concepts of experiential learning and suggest potential applications of the experiential learning model in training Vietnamese Language teaching competencies for pre-service teachers of primary education. The viewpoint and ideology of applying experiential learning theory show compatibility with the content of the fundamental and comprehensive innovation project in Vietnamese education, with the focus on competence-based education and training innovation.

## 1. Mở đầu

Vấn đề rèn luyện, phát triển năng lực (NL) dạy học cho sinh viên (SV) khối ngành Sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay. Môn Tiếng Việt ở cấp tiểu học “là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ, nhân văn; giúp HS có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường” (Đỗ Ngọc Thống và cộng sự, 2020, tr 25). Dựa trên chương trình và yêu cầu cần đạt trong dạy học môn Tiếng Việt ở cấp tiểu học, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã nhận mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo, phát triển NL dạy học tiếng Việt của SV ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), từ đó đề xuất những định hướng, giải pháp để giúp SV rèn luyện kỹ năng dạy đọc, viết, nói, nghe cho HS tiểu học. Trong những năm gần đây đã có một số công trình nghiên cứu về việc vận dụng mô hình học tập trải nghiệm vào việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông, nhưng số lượng công trình nghiên cứu về việc vận dụng mô hình học tập trải nghiệm vào việc phát triển NL dạy học Tiếng Việt cho SV, đặc biệt là SV ngành GDTH chưa nhiều. Tiêu biểu có thể kể đến nghiên cứu của Trần Thị Linh (2017) đã đề xuất một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm khi dạy học học phần Tiếng Việt thực hành cho SV ngành GDTH như: tổ chức các buổi seminar; tổ chức tìm hiểu thực tế; tổ chức các câu lạc bộ học thuật; tổ chức các hội thi, cuộc thi,... Như vậy, có thể thấy, việc vận dụng mô hình học tập dựa vào trải nghiệm trong môn Tiếng Việt ở trường phổ thông hay các trường cao đẳng, đại học là hoàn toàn khả thi và còn nhiều “khoảng trống” cần lấp đầy. Cách thức vận dụng cụ thể trong từng hoạt động *đọc, viết, nói, nghe* như thế nào? Hiệu quả mang lại ra sao?... là những câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.

Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích những quan điểm hay kết quả nghiên cứu từ những đề tài của các tác giả đi trước; đồng thời sử dụng phương pháp đánh giá, nêu và giải quyết vấn đề dựa trên các tài liệu về chương trình thực tiễn đào tạo SV ngành GDTH, từ đó thiết kế các hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy các học phần dạy học Tiếng Việt cho SV ngành GDTH dựa trên mô hình học tập qua trải nghiệm của David A. Kolb.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

- Học tập trải nghiệm

Học tập trải nghiệm (experiential learning) là một hướng dạy và học giúp người học tự chiếm lĩnh kiến thức để hình thành NL cho bản thân thông qua trải nghiệm thực tế và tương tác trực tiếp với môi trường học tập. Hướng dạy học này yêu cầu người học tham gia tích cực, chủ động tìm hiểu, khám phá và áp dụng kiến thức vào những tình

huống thực tế, từ đó hình thành kỹ năng và nhận thức sâu sắc hơn về chủ đề học tập; người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, hình thành những giá trị tích cực đóng góp cho cộng đồng. Hướng giáo dục này gắn liền với tên tuổi của nhiều nhà nghiên cứu như Kurt Lewin (1890-1947), John Dewey (1859-1952), Jean Piaget (1896-1980), Lev Vygotsky (1896-1934), đặc biệt là nhà nghiên cứu người Mỹ David A. Kolb. Đây cũng là hướng dạy học tích cực được các cơ sở có đào tạo ngành Sư phạm áp dụng nhằm rèn luyện, phát triển các kỹ năng và NL cần thiết cho SV.

- *Mô hình học tập dựa vào trải nghiệm của David A. Kolb*

Theo Kolb, “học tập trải nghiệm” có thể được định nghĩa là một quá trình học tập mà “kiến thức là kết quả của sự kết hợp giữa việc nắm bắt và biến đổi một kinh nghiệm. Kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi của kinh nghiệm” (Kolb, 1984). Quá trình học tập được Kolb thể hiện bởi một quá trình gồm 4 giai đoạn, trong đó người học được “chạm” đến tất cả các giai đoạn: *trải nghiệm cụ thể, quan sát phản ánh, khái quát hóa kết quả trải nghiệm, thực hành chủ động*.

Mặc dù có nhiều ý kiến trái chiều, nhưng không thể phủ nhận giá trị của lý thuyết và mô hình học tập tiến bộ này bởi “*xét trên khía cạnh khoa học, nó đã thay đổi tư duy giáo dục từ chỗ đặt người dạy vào vị trí trung tâm sang lấy người học làm trung tâm*” (Đào Thị Ngọc Minh và Nguyễn Thị Hằng, 2018, tr 40); và “*sang thế kỉ 21, lý thuyết của ông vẫn được thế giới coi trọng, tiếp tục nghiên cứu, vận dụng không chỉ trong lĩnh vực giáo dục từ mầm non đến đại học, đặc biệt trong đào tạo GV, mà còn trong nhiều lĩnh vực khác*” (Nguyễn Thị Hằng, 2014, tr 56).

- *Năng lực*

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2018). Cụ thể hơn: nói đến NL là phải nói đến khả năng thực hiện, là phải biết làm, chứ không phải chỉ biết và hiểu...; có hai loại NL lớn là NL cốt lõi (gồm NL chung, NL đặc thù) và NL đặc biệt (Đỗ Ngọc Thống và cộng sự, 2020).

- *NL dạy học*

NL dạy học là một thành phần quan trọng của NL sư phạm và là NL quan trọng nhất của một nhà giáo. NL dạy học được thể hiện ở “*khả năng xây dựng kế hoạch dạy học; đảm bảo kiến thức và chương trình môn học; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học; xây dựng môi trường học tập; quản lý hồ sơ dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS*” (Bùi Minh Đức và cộng sự, 2017, tr 107). Cũng có thể hiểu một cách khái quát nhất: NL dạy học là “*sự thực hiện thành công một nhiệm vụ dạy học hoặc giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra của thực tiễn dạy học, trên cơ sở vận dụng hợp lý, linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và chuẩn thái độ nghề nghiệp tương ứng*” (Trịnh Thúy Giang và Mai Quốc Khánh, 2019, tr 35). Do vậy, đào tạo NL dạy học cho SV khối ngành Sư phạm là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các cơ sở giáo dục.

## **2.2. Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm trong rèn luyện, phát triển năng lực dạy học tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học**

Mỗi học phần trong chương trình đào tạo NL dạy học tiếng Việt cho SV ngành GDTH có những đặc trưng và yêu cầu riêng về kiến thức, kỹ năng... nhằm mục đích rèn luyện và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe cho HS tiểu học. Để từng bước đào tạo và rèn luyện NL này cho SV, giảng viên (GgV) có thể vận dụng mô hình học tập qua trải nghiệm vào quá trình rèn luyện các hoạt động cơ bản sau đây:

### **2.2.1. Hoạt động dạy đọc hiểu văn bản văn học**

*Bước 1. Tạo kết nối qua trải nghiệm kinh nghiệm*

Mấu chốt của bước này là GgV cần gợi mở để SV biết cách hướng dẫn HS tìm ra mối liên hệ giữa cái mình đang đọc/tìm hiểu với các sự vật/sự việc/con người mình từng biết/tiếp xúc. Có những cách tạo kết nối sau:

- Cách 1: Liên hệ truyện/thơ với những gì mình đã trải nghiệm thực tế.

Ví dụ: Với các truyện/thơ có chủ đề về thế giới quanh em, GV có thể hỏi HS: Em đã từng được đi du lịch tới những nơi nào? Hãy chia sẻ về một kỉ niệm em nhớ mãi khi đặt chân tới vùng đất đó...

- Cách 2: Liên hệ truyện/thơ với những truyện/thơ/phim đã đọc/xem.

Ví dụ: GV có thể hỏi HS: Khi đọc truyện *Mai An Tiêm* (Bùi Mạnh Hùng, 2023b), em nhớ đến bộ phim hoạt hình nào?

- Cách 3: Liên hệ truyện/thơ với thế giới đời thực.

Ví dụ: GV có thể hỏi HS: Khi đọc truyện *Mai An Tiêm*, em nhớ tới loại quả nào? Em có thích loại quả đó không? Hãy nói 1 câu giới thiệu về loại quả mà Mai An Tiêm đã trồng.

*Bước 2. Quan sát, ghi chú và kích lệ người học bộc lộ quan điểm*

Đây là bước GgV hướng dẫn SV biết cách quan sát, theo dõi phản ứng của HS sau khi kết nối các trải nghiệm. Đối với truyện, có thể hướng dẫn người học tóm tắt/kể lại câu chuyện bằng lời kể của mình. Có thể sử dụng những cách sau:

- Cách 1: Gọi mở bằng hệ thống câu hỏi.

Ví dụ: Sau khi HS đọc xong một câu chuyện, GV có thể hỏi HS: Hãy nói cho cô biết phần đầu câu chuyện đã có chuyện gì xảy ra? Sau đó các nhân vật đã làm gì? Kết thúc câu chuyện ra sao?...

- Cách 2: Vận dụng mô hình bàn tay để gợi ý người đọc diễn đạt ý chính của câu chuyện.

Ví dụ: Truyện cổ tích *Mai An Tiêm*, GV yêu cầu HS hãy xòe 5 ngón tay, mỗi ngón tay là một ý cần giải đáp: + Ngón cái: câu chuyện có những nhân vật nào? + Ngón trỏ: Câu chuyện diễn ra ở đâu? + Ngón giữa: Câu chuyện diễn ra khi nào? + Ngón áp út: Câu chuyện nói về điều gì? + Ngón út: Câu chuyện có ý nghĩa gì?

*Bước 3. Rút ra tri thức, hình thành kinh nghiệm mới*

Đây là bước GgV cần hướng dẫn SV biết cách dẫn dắt người học dự đoán, suy luận, rút ra kết luận từ bài học. Có thể sử dụng những cách sau:

- Cách 1: Dự đoán các tình tiết/cách kết thúc từ đơn giản tới phức tạp.

Ví dụ: khi đọc câu chuyện *Mai An Tiêm*, HS có thể dự đoán: cuộc sống của 2 vợ chồng Mai An Tiêm trên đảo như thế nào? Kết thúc câu chuyện ra sao?...

- Cách 2: Suy luận các tình tiết/cách kết thúc. Suy luận khó hơn dự đoán, bởi sẽ yêu cầu người học phải kết hợp kiến thức, kinh nghiệm ngoài đời mà người học đã học hỏi/tích lũy được. Do vậy, GV nên hướng dẫn HS giải quyết các tình huống nhỏ trước, sau đó mới áp dụng vào câu chuyện đang đọc.

Ví dụ: Ở câu chuyện *Mai An Tiêm*, GV có thể đặt các câu hỏi từ dễ tới khó: nhìn hình ảnh 2 vợ chồng Mai An Tiêm, em có nghĩ họ là những con người chăm chỉ không? Vì sao vợ chồng Mai An Tiêm bị vua đày ra đảo? Vì sao họ vẫn sống sót được trên đảo?...

- Cách 3: Rút ra kết luận từ bài đọc. Đây là mức độ cao hơn dự đoán và suy luận, bởi yêu cầu người học phải rút ra kết luận dựa trên những suy đoán, suy luận của mình.

- Cách 1: GV dùng mẫu câu: em có nghĩ rằng...; em có đồng ý là...

- Cách 2: Vẽ sơ đồ/vẽ tranh để ghi nhớ bài học.

*Bước 4. Thử nghiệm tích cực.* Đây là bước GgV cần tạo cho SV thói quen/kĩ năng vận dụng những tri thức nắm bắt được từ những lần trải nghiệm vào những tình huống/bối cảnh mới, từ đó làm dày dặn hơn vốn tri thức và kinh nghiệm cho SV.

Bản chất của hoạt động này là việc so sánh/đối chiếu, rút kinh nghiệm từ những lần trải nghiệm trước trong cùng một chủ đề, và liên hệ với những bài học/hoạt động có thể diễn ra trong tương lai. Có những cách sau đây:

- Cách 1: GV hướng dẫn HS vẽ hình tròn giao nhau, trong đó phần giao nhau là điểm giống nhau của 2 tác phẩm, phần không giao nhau là nội dung, ý nghĩa của mỗi tác phẩm.

Ví dụ: Truyện cổ tích *Mai An Tiêm* và *Sự tích cây thi là* (Bùi Mạnh Hùng, 2023b) đều cùng khai thác chủ đề “cây cối”, “giải thích nguồn gốc hình thành của loài cây/hoa/quả”... nhưng mỗi tác phẩm lại có cách diễn đạt/khai thác/miêu tả chi tiết khác nhau: nếu ở *Mai An Tiêm*, bên cạnh việc giới thiệu nguồn gốc của quả dưa hấu thì còn ca ngợi chàng Mai An Tiêm với đức tính cương trực, chịu thương, chịu khó; còn *Sự tích cây thi là* lại giải thích nguồn gốc tên gọi của cây thi là một cách dí dỏm, hài hước.

- Cách 2: Dùng sổ tay ghi chép tri thức/kinh nghiệm theo từng chủ đề.

Ví dụ: HS có thể ghi lại những nội dung cơ bản trong từng bài học, kinh nghiệm rút ra sau khi học các truyện/thơ về chủ đề thế giới quanh em...

### 2.2.2. Hoạt động dạy viết đoạn văn/bài văn

*Bước 1. Tạo kết nối qua trải nghiệm kinh nghiệm*

Cũng tương tự bước 1 trong hoạt động dạy đọc hiểu văn bản văn học, GgV sẽ hướng dẫn SV cách gọi mở đề HS tiểu học tìm ra mối liên hệ giữa đối tượng cần kể/tả/thuyết minh với các sự vật/sự việc/con người HS từng biết/tiếp xúc, trải nghiệm thực tế.

Ví dụ: Khi dạy *Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối* (Bùi Mạnh Hùng, 2023b), GV có thể hỏi HS: “Trên đường tới trường, em đã nhìn thấy những loại cây nào?”, “Đó là cây cho bóng mát, cây cho quả hay cây cho hoa?”, “Em thấy ấn tượng với loại cây nào nhất? Vì sao?”...

**Bước 2. Quan sát, ghi chú và khách lệ người học bộc lộ quan điểm**

Đây là bước GgV hướng dẫn SV biết cách quan sát, theo dõi phản ứng của người học sau khi kết nối các trải nghiệm. Đối với viết đoạn văn/bài văn, có thể hướng dẫn người học lập dàn ý để ghi chép những thông tin đã biết và những thông tin quan sát được. Có thể sử dụng những cách sau:

- Cách 1: Gọi mở bằng hệ thống câu hỏi

Ví dụ: Khi tìm hiểu cách viết bài văn *Tả cây bóng mát*, GgV hướng dẫn SV thực hiện vai trò định hướng cho HS lựa chọn đối tượng miêu tả theo hai tiêu chí: phù hợp với yêu cầu của đề bài và gây được hứng thú, cảm xúc cho HS. Một số câu hỏi có thể gợi ý: “Kể tên những cây bóng mát được trồng ở sân trường em”, “Trong các cây đó, cây nào gần bố (có nhiều kỉ niệm) với em hơn cả?”...

- Cách 2: Sử dụng phiếu quan sát để chi chép. Phiếu quan sát được thiết kế không chỉ góp phần định hướng cho người học những gì cần được quan sát mà còn kích thích hứng thú của người học, từ đó giúp người học chủ động hơn, tích cực học tập, tự đặt câu hỏi cho bản thân, tự do tìm ý và mở rộng ý.

**Bước 3. Rút ra tri thức, hình thành kinh nghiệm mới.** Đây là bước GgV cần hướng dẫn SV biết cách dẫn dắt người học dự đoán, suy luận, rút ra kết luận từ bài học. Có thể sử dụng những cách sau:

- Cách 1: Dự đoán các chi tiết miêu tả từ đơn giản tới phức tạp.

Ví dụ: Khi viết bài văn *Tả cây bóng mát*, HS có thể dự đoán trong bài văn mình sẽ miêu tả những chi tiết nào, thứ tự miêu tả ra sao (chiều cao, hình dáng, các bộ phận lá/thân/cành cây...).

- Cách 2: Suy luận các tình tiết/cách kết thúc.

Đối với viết bài văn *Tả cây bóng mát*, GgV cần hướng dẫn SV biết cách dẫn dắt người học miêu tả bao quát trước, sau đó mới miêu tả chi tiết. Có thể sử dụng những câu hỏi gợi ý như: “Nhìn từ xa trông cây như thế nào?”, “Chiều cao của cây ra sao?”, “Cây gồm những bộ phận nào?”, “Em hãy miêu tả chi tiết lá/thân/cành cây bằng 2 câu có hình ảnh so sánh và 1 câu có hình ảnh do em tưởng tượng”...

- Cách 3: Rút ra kết luận từ bài đọc

Đối với dạng bài dạy viết văn miêu tả cây cối, SV có thể dùng mẫu câu: Em cảm thấy..., Em yêu thích... hoặc vẽ sơ đồ/vẽ tranh để thống nhất hệ thống ý trong bài viết.

**Bước 4. Thử nghiệm tích cực**

Tương tự hoạt động dạy đọc văn bản văn học, trong hoạt động viết GgV có thể áp dụng các cách sau:

- Cách 1: GV hướng dẫn HS lập biểu đồ, trong đó phần giao nhau là điểm giống nhau của 2 đoạn văn/bài văn, phần không giao nhau là sự riêng biệt của từng bài.

Ví dụ: Bài dạy viết văn *Tả cây bóng mát* và *Tả cây hoa* đều là dạng văn miêu tả cây cối, nhưng mỗi một bài lại có cách diễn đạt/khai thác/miêu tả chi tiết/cách sử dụng khác nhau; đặc biệt khác nhau về công dụng: cây cho bóng mát để con người nghỉ ngơi, cây cho hoa thơm để mọi người thưởng thức và thư giãn...

- Cách 2: Dùng số tay ghi chép tri thức/kinh nghiệm viết đoạn văn/bài văn. HS có thể ghi lại những nội dung cơ bản trong từng bài học, kinh nghiệm rút ra sau khi học các bước để viết 1 đoạn văn/bài văn sinh động, hấp dẫn.

**2.2.3. Hoạt động nói - nghe**

**Bước 1: Tạo kết nối qua trải nghiệm kinh nghiệm**

Đây là giai đoạn GgV hướng dẫn SV cách để kích thích khả năng tự duy, liên hệ của HS dựa trên những kinh nghiệm đã có trước đó và thông qua quá trình trải nghiệm nghe và nói về bài học, HS tạo dựng được kiến thức, hình thành tư duy và tiếp nhận bài học. Có thể sử dụng các cách sau:

- Cách 1: Liên hệ đối tượng cần kể/thuyết trình với những gì mình đã trải nghiệm thực tế.

Ví dụ: GV cho HS kể lại một câu chuyện về một lần em mắc lỗi và có thể hỏi HS: “Trong thực tế em đã bao giờ làm việc gì khiến em cảm thấy áy náy và ân hận chưa?”, “Nếu có, hãy cùng chia sẻ với cô và các bạn về câu chuyện của em”...

- Cách 2: GV định hướng bài nói - nghe theo các bức tranh vẽ, hình ảnh có liên quan. Từ nội dung các bức hình, GV phải dùng những câu hỏi gợi mở để gợi ý dẫn dắt những suy nghĩ của HS tập trung vào chủ đề mà không làm mất đi sự sáng tạo của các em.

Ví dụ: Trong bài *Cây xấu hổ* (Bùi Mạnh Hùng, 2023a), GV chuẩn bị các bức tranh, HS dựa vào các câu hỏi gợi ý, đoán đặc điểm bên ngoài của cây xấu hổ. GV có thể hướng dẫn HS quan sát lần lượt và mô tả nội dung mỗi

tranh, sau đó cho HS thuyết minh bằng lời đặc điểm của một loài cây nào đó. Lưu ý: GV cần tạo điều kiện cho nhiều HS được phát biểu ý kiến; những câu trả lời hay, đúng sẽ được khen; nếu chưa đúng sẽ được góp ý sửa chữa và hoàn thiện.

*Bước 2: Quan sát, ghi chú và khích lệ người học bộc lộ quan điểm*

GV qua quan sát, cảm nhận, đối chiếu, phân tích, đánh giá các sự vật, hiện tượng kết hợp huy động vốn kinh nghiệm đã có của bản thân để tìm hiểu sự vật, hiện tượng, qua đó cùng trao đổi, thảo luận bài học với HS.

Có nhiều cách để GgV có thể hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ này. Thông thường, GgV có thể định hướng để SV thực hành cho người học làm việc nhóm với những câu hỏi gợi ý. Sau khi thảo luận, các nhóm lên trình bày lại kết quả đã thực hiện được và trả lời các câu hỏi phụ của GV để củng cố bài học.

Ví dụ: Trong bài *Cây xấu hổ*, GV đưa ra các câu hỏi gợi ý để HS tư duy và giải quyết: “Vì sao cây xấu hổ lại co rúm mình lại khi nghe thấy tiếng động lạ?”, “Nếu khi đó nó mờ mắt ra, điều gì sẽ xảy ra?”, “Nếu em là cây xấu hổ, em sẽ làm gì để không phải nuôi tiếc vì không được chiêm ngưỡng con chim xanh?”, “Hãy đóng vai là chú chim xanh trong bài, nói điều em muốn với cây xấu hổ”... HS sẽ cùng làm việc nhóm, đọc lại câu chuyện và thảo luận về câu hỏi. Khi lắng nghe các nhóm trình bày, GV cần quan sát thái độ học tập, sự hứng thú và khích lệ khả năng sáng tạo của các em.

*Bước 3. Rút ra tri thức, hình thành kinh nghiệm mới*

Ở bước này, GgV cần định hướng cho SV cách gợi mở để giúp người học có thể rút ra được những bài học ý nghĩa cho bản thân, hình thành những kinh nghiệm mới. Có thể dựa trên những cách sau:

- Cách 1: Dự đoán các tình tiết/cách kết thúc từ đơn giản tới phức tạp.

Ví dụ: Khi kể câu chuyện *Cây xấu hổ*, HS có thể dự đoán: Cây xấu hổ đã tiếc nuôi vì điều gì? Nó sẽ làm gì trong những lần khác để không phải nuôi tiếc như lần này?...

- Cách 2: Suy luận các tình tiết/cách kết thúc.

Việc suy luận đòi hỏi người học phải vận dụng tư duy logic và những kiến thức đã được lĩnh hội thông qua học tập, trải nghiệm của bản thân. Chính vì vậy, GV cần dẫn dắt HS suy luận từ những tình tiết nhỏ trước, sau đó mới áp dụng vào câu chuyện đang được nói, nghe.

Ví dụ: Khi kể câu chuyện *Cây xấu hổ*, HS có thể suy luận “vì sao cây xấu hổ lại phản ứng bằng cách co rúm mình lại khi có tiếng động lạ”; “liên hệ với bản thân xem mình có hay bị phản ứng như thế khi đối diện với tình huống mới không?”, “có cách nào để những lần sau mình sẽ không còn sợ sệt hay nuôi tiếc vì chuyện gì nữa không?”...

- Cách 3: Rút ra kết luận.

Từ những dự đoán và suy luận, HS sẽ rút ra được kết luận, bài học cho bản thân. GV có thể sử dụng những câu: *Em có cùng suy nghĩ...; Em có cùng ý kiến...; Em có đồng ý là...; Em muốn...; hoặc hướng dẫn HS vẽ sơ đồ/vẽ tranh để ghi nhớ bài học rút ra được từ bài thuyết trình.*

*Bước 4. Thử nghiệm tích cực*

Đây là bước quan trọng nhằm rèn luyện cho SV khả năng vận dụng những tri thức đã tích lũy được từ những câu chuyện, trải nghiệm trong thực tế vào những bối cảnh mới; từ đó khắc sâu những bài học có giá trị và mở rộng vốn tri thức, kinh nghiệm cho người học.

GgV có thể hướng dẫn SV trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng bằng cách tổng hợp kiến thức khoa học thông qua việc đối chiếu, rút kinh nghiệm từ những lần trải nghiệm trước trong cùng một chủ đề, và liên hệ với những bài học/hoạt động có thể diễn ra trong tương lai. Có thể sử dụng sổ tay ghi chép tri thức/kinh nghiệm theo từng chủ đề, hoặc làm đàn ý khi thuyết trình/kể về một câu chuyện hay sự kiện, nhân vật nào đó.

**2.3. Một số lưu ý khi vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb trong rèn luyện, phát triển năng lực dạy học tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học**

Một là, trong quá trình tham gia vào hoạt động trải nghiệm ở môn Tiếng Việt, SV phải thể hiện rõ vai trò chủ thể của quá trình dạy học, có tâm thế sẵn sàng, tích cực tham gia; có ý thức huy động các kiến thức cũ vào quá trình trải nghiệm; tích cực bộc lộ suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về nội dung học tập; có ý thức chia sẻ những suy nghĩ, kinh nghiệm từ hoạt động của bản thân với GgV và bạn học; biết lắng nghe và có tư duy phản biện trong thảo luận, trao đổi; tích cực, chủ động tương tác trong quá trình trải nghiệm, kiến tạo tri thức mới; có ý thức vận dụng, thử nghiệm tích cực các tri thức hình thành được vào các tình huống mới.

Hai là, GgV luôn phải giữ vai trò là người định hướng, tạo ra những trải nghiệm thích hợp và hỗ trợ tích cực người học. Tuy nhiên, người dạy cũng cần lường trước những vấn đề phát sinh trong quá trình vận dụng mô hình học tập này, bao gồm các rủi ro và thậm chí thất bại để từ đó rút kinh nghiệm và dần hoàn thiện khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho SV.

Ba là, các bước vận dụng mô hình học tập trải nghiệm nêu trên chỉ là những gợi ý có tính chất định hướng và không phải quy trình cứng nhắc. Tùy từng yêu cầu của bài học, việc vận dụng quy trình trên cần linh hoạt, sáng tạo nhằm phù hợp với đặc điểm của người học, điều kiện của cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, cũng cần giữ những điểm mấu chốt, trọng tâm của mô hình học tập trải nghiệm gồm: SV được trải nghiệm cụ thể, đảm bảo kết nối giữa kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới; SV được quan sát, suy ngẫm, liên hệ; SV tự khái quát hóa thành kiến thức mới của bản thân; SV biết cách vận dụng trong hoàn cảnh/bối cảnh mới.

### 3. Kết luận

Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm trong giáo dục, đặc biệt là việc áp dụng mô hình này nhằm rèn luyện, phát triển NL dạy học môn Tiếng Việt cho SV ngành GDTH là một trong những vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm hiện nay. Đây là hướng dạy học tích cực và hiện đại, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc vận dụng mô hình học tập trải nghiệm trong từng hoạt động dạy học có thể linh hoạt, sáng tạo nhưng cần đầy đủ các bước; đồng thời, người dạy luôn phải giữ vai trò là “người chỉ đường”, người học dựa vào đó để tự trải nghiệm, từ đó hình thành những kiến thức và kinh nghiệm mới cho bản thân.

#### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bùi Minh Đức (chủ biên, 2017). *Phát triển năng lực nghề cho sinh viên sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng (2023a). *Tiếng Việt 2 (tập 1), bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hào Tâm (2023b). *Tiếng Việt 2, Tập 2, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Thị Thanh Hương, Trần Kim Phượng (2023c). *Tiếng Việt 4 (tập 2), bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018). Học tập trải nghiệm - Lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 433, 36-40.
- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên, 2020). *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. NXB Đại học Sư phạm.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the source of Learning and Development*. Englewood Cliffs, New Jersey, Prentice Hall.
- Nguyễn Thị Hằng (2014). Định hướng hình thành năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên sư phạm. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 59, 205-212.
- Trần Thị Linh (2017). *Đề xuất một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo khi dạy học học phần Tiếng Việt thực hành áp dụng cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định*. Kí yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập”. NXB Khoa học Xã hội, tr 722-727.
- Trịnh Thúy Giang, Mai Quốc Khánh (2019). Đào tạo năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 22, 34-39.